TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 12 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNKHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang;

2. Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc "*Ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Đức T1, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ 8, Khu phố 10, phường PH, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T2, sinh năm: 1971; địa chỉ: Tổ 8, Khu phố 10 phường PH, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/6/2025, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Đức T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Đức T1 và ông Phạm Văn T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/1995 tại Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vả nhau. Mặc dù vợ chồng bà đã nhiều lần cố gắng tự hòa giải với nhau nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Hiện nay, tuy vợ chồng bà vẫn chung sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chia sẻ cho nhau những

buồn vui trong cuộc sống nữa. Bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T2 đã hết, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 02 người con chung là Phạm Cao T3, sinh năm 1995 và Phạm Minh Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động, vì vậy bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T2 trình bày:

Ông T2 thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Cao Thị Đức T1 về thời gian đăng ký kết hôn cũng như con chung của vợ chồng như bà T1 trình bày. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến nay, không có mẫu thuẫn gì trầm trọng. Theo ông, lý do bà T1 yêu cầu ly hôn với ông là vì không nghe lời và không tôn trọng ý kiến của ông, chỉ muốn sống tự do. Vì vậy, ông T2 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1.

Về con chung, ông T2 thống nhất với lời trình bày của bà T1. Do các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng không thành. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết ly hôn với bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Bị đơn cho rằng vợ chồng còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Cao Thị Đức T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Văn T2. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, do bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố 10, phường PH, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Đức T1 và ông Phạm Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 66 ngày 12/7/1995. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà T1 và ông T2 đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T1, ông T2 là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Đức T1 về việc ly hôn với ông Phạm Văn T2: Bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 vì cho rằng vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay bà không còn tình cảm với ông T2 nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau, tuy nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả. Mặc dù ông T2 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1 vì cho rằng vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì; tuy nhiên, ông T2 cũng thừa nhận nguyên nhân ly hôn là do bà T1 không nghe lời ông, không tôn trọng ý kiến của ông và muốn sống tự do. Tại phiên tòa, ông T2 cũng thừa nhận vợ chồng ông không có sự tôn trọng lẫn nhau. Qua kết quả xác minh của Tòa án thể hiện, chính quyền địa phương nơi vợ chồng bà T1, ông T2 sinh sống đã nhiều lần hòa giải mẫu thuẫn vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 nhưng không thành, không có kết quả. Như vậy, từ những tình tiết nêu trên, có cơ sở để khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà T1, ông T2 phát sinh mâu thuẫn là có thật, thấy rằng bà T1 và ông T2 không có tình nghĩa vợ chồng, thương yêu, quý trọng nhau. Với những mâu thuẫn nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 246, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Đức T1 về việc ly hôn với ông Phạm Văn T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Đức T1 được ly hôn với ông Phạm Văn T2;

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Cao Thị Đức T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001503 ngày 30/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Cao Thị Đức T1 đã nộp đủ án phí.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 15 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Trọng